

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NAM SÁCH
TỈNH HẢI DƯƠNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 06/2025/HNGĐ-ST

Ngày 19 - 02 - 2025

"V/v ly hôn"

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NAM SÁCH, TỈNH HẢI DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Kim Giang.

Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Phương Nga

Bà Nguyễn Thị Quỳnh Lan

- Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Đức Cường - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nam Sách.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Sách tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thị Loan - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 243/2024/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 11 năm 2024 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 01 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị S, sinh năm 1981;

Địa chỉ: Thôn A, xã A, huyện N, tỉnh Hải Dương; vắng mặt.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Sỹ L, sinh năm 1979;

Địa chỉ: Thôn A, xã A, huyện N, tỉnh Hải Dương; vắng mặt.

- Người làm chứng:

1. Bà Trần Thị T, sinh năm 1952;

Địa chỉ: Thôn A, xã A, huyện N, tỉnh Hải Dương; vắng mặt.

2. Ông Nguyễn Sĩ T1, sinh năm 1947;

Địa chỉ: Thôn A, xã A, huyện N, tỉnh Hải Dương; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 26/9/2024, bản tự khai và ý kiến tại các buổi làm việc với Tòa án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị S trình bày:

Chị và anh Nguyễn Sỹ L quen biết, tìm hiểu và được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới vào năm 1998, nhưng lúc đó do chị chưa đủ tuổi kết hôn nên chưa đi đăng ký kết hôn được. Đến ngày 28/7/2005, khi con đầu của anh chị là cháu Nguyễn Sỹ H chuẩn bị đi học, cần phải có giấy khai sinh, do vậy, chị và anh L mới đi đăng ký kết

hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện N để làm thủ tục đăng ký khai sinh cho con. Sau ngày cưới, vợ chồng chung sống ở nhà bố mẹ anh L tại thôn A, xã A, huyện N, tỉnh Hải Dương. Sau đó vài năm thì vợ chồng mới chuyển ra ở riêng tại thửa đất hiện nay. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc. Được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn do anh L hay chơi bời, nợ nần, đánh, chửi, xúc phạm chị. Chị đã nhiều lần bỏ về nhà mẹ đẻ nhưng do nghĩ đến các con nên chị lại quay về chung sống cùng anh L. Năm 2013, anh L đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan. Đến năm 2023, vợ chồng lại tiếp tục xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do, anh L có biểu hiện ghen tuông, nghi ngờ chị không chung thủy. Anh L lắp camera ở nhà để theo dõi các hoạt động của chị. Khi anh L1 điện thoại về cho chị thường hay nói bóng gió, nghi ngờ, không tin tưởng chị. Tháng 8/2024, anh L1 hết hạn hợp đồng lao động và về nước. Sau khi về nhà giữa chị và anh L1 tiếp tục xảy ra mâu thuẫn, bất đồng trong vấn đề sinh hoạt vợ chồng. Anh L1 có nhu cầu tình dục cao, trong khi chị bị u xơ tử cung không muốn quan hệ tình dục nhiều. Khi chị từ chối thì anh L1 lại nghi ngờ, cho rằng chị không chung thủy, đánh, chửi, xúc phạm chị. Khoảng tháng 9/2024, chị sợ hãi nên bỏ về nhà mẹ đẻ chị cũng ở thôn A, xã A, huyện N. Anh L1 có sang bảo chị về, chị từ chối thì anh L1 lại chửi bới, đe dọa, nhắn tin và đưa ảnh của chị lên bàn thờ, chụp gửi cho chị. Chị và anh L1 chính thức sống ly thân từ tháng 9/2024 đến nay. Nay chị xác định vợ chồng không thể đoàn tụ và tiếp tục chung sống với nhau được, do vậy, chị đề nghị được ly hôn với anh L1. Về con chung: Chị và anh L1 có 02 con chung là Nguyễn Sỹ H, sinh ngày 02/5/1999 và Nguyễn Sỹ H1, sinh ngày 03/12/2005. Hiện tại, các con chung đều đã trưởng thành và khỏe mạnh bình thường, do vậy, chị không yêu cầu tòa án giải quyết. Về quan hệ tài sản: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị S cung cấp bản phô tô kết quả siêu âm xác định chị bị nhân sơ tử cung; bản in từ zalo có ảnh gửi chị S đặt cạnh bàn thờ, do nickname L1 Nguyen đăng, có câu nhắn "con chó mày cứ chờ đấy bây mới bắt đầu thôi".

- Tại biên bản lấy lời khai ngày 09/01/2025 và ý kiến tại các buổi làm việc với Tòa án, bị đơn - anh Nguyễn Sỹ L trình bày thống nhất nội dung về thời gian, điều kiện kết hôn như lời khai của chị S. Anh xác định nguyên nhân mâu thuẫn là do khoảng tháng 7/2024, khi anh về nước khi đó anh thấy chị S có một số biểu hiện thờ ơ với anh. Tình cảm không còn mặn nồng như trước. Chị S không quan tâm, chia sẻ gì với anh, lúc nào cũng chỉ tập trung xem điện thoại, không cho anh động vào người. Anh hỏi lý do thì chị S không nói gì. Do chị S có biểu hiện như vậy nên anh nghi ngờ chị S có tình cảm với người khác. Anh hỏi nhưng chị S không thừa nhận. Vợ chồng có vùng vằng, cãi nhau, sau đó, anh có chửi vài câu thì đến tháng 8/2024, chị S thu dọn quần áo, bỏ về nhà bố mẹ đẻ cùng thôn ở. Anh có khuyên bảo nhưng chị S không

chịu về. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 8/2024 đến nay. Nay chị S xin ly hôn, anh không đồng ý, còn chị S cứ cương quyết ly hôn thì tùy tòa án giải quyết, anh không đến tòa. Về con chung và tài sản chung: anh L thống nhất quan điểm như chị S, không yêu cầu tòa án giải quyết.

- Người làm chứng bà Trần Thị T - Mẹ đẻ chị S trình bày xác định: Nhà bà cách nhà chị S, anh L khoảng vài trăm mét. Sau khi vợ chồng chị S, anh L ra ở riêng thì giữa chị S và anh L có xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân lúc đầu thì bà không rõ, nhưng có một số lần chị S về nhà bà chơi, bà thấy mặt chị S bị thâm tím. Bà dò hỏi thì chị S mới nói là do anh L đánh. Lý do là do anh L chơi bời, ghen tuông, chị S khuyên bảo thì anh L đánh. Bà có sang khuyên bảo thì anh L không nói gì. Bà nghĩ thương các cháu nên có khuyên bảo chị S về đoàn tụ để chăm sóc con. Sau đó, anh L đi nước ngoài. Đến tháng 8/2024, anh L về nước. Khi anh L về nhà được khoảng 01 tháng thì chị S bỏ về nhà bà. Khi về thì chị S bảo là anh L ghen tuông, đánh chị S, đăng bêu xấu chị S trên mạng. Chị S không chịu đựng được mới bỏ về nhà bà. Sau đó, anh L có đến nhà bà bảo là do anh L nóng tính, bảo bà khuyên chị S về. Bà cũng khuyên chị S bỏ qua để về đoàn tụ nhưng chị S nói là anh L đã nhiều lần nghi ngờ, đánh đập, xúc phạm chị S như vậy, chị S không thể tiếp tục sống được với anh L nữa. Sau đó, anh L cũng không sang nhà bà nữa. Chị S nói chuyện với các con là không thể ở với anh L được nữa thì các con chị S cũng nói là chị S làm thế nào để hạnh phúc được thì làm. Chị S và anh L sống ly thân từ thời điểm đó đến nay. Nay chị S xin ly hôn anh L, bà cũng không mong muốn vợ chồng các con ly hôn, nhưng chị S đã trưởng thành, quyết định thế nào là quyền của chị S.

- Người làm chứng ông Nguyễn Sĩ T1 - Bố đẻ anh L trình bày: Sau khi chị S và anh L ra ở riêng thì thỉnh thoảng có xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là gì ông không rõ. Hiện tại, chị S đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở. Nay chị S, anh L xin ly hôn, quan điểm của ông là anh chị đã trưởng thành nên ông không can thiệp, đề nghị Tòa án cứ giải quyết theo quy định pháp luật.

- Tại biên bản xác minh ngày 17/01/2025, ông Nguyễn Đức T2 – Trưởng thôn An Giới cung cấp: Về mâu thuẫn vợ chồng giữa anh L và chị S thì ông không nắm được cụ thể, tuy nhiên, ông được biết hiện tại chị S đã bỏ về nhà mẹ đẻ ở thôn A. Anh L1 vẫn ở nhà riêng của vợ chồng. Nay chị S xin ly hôn anh L1, quan điểm của ông là đề nghị Tòa án cứ giải quyết theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa:

Chị S có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; anh L1 được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không đến tòa, không có lý do.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử kể từ thời điểm thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án

đã tuân theo đúng quy định của pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án. Nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng các quy định của pháp luật khi tham gia tố tụng. Về đường lối giải quyết đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228, Điều 238, khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 17 Luật phí và lệ phí; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Tuyên xử: Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị S ly hôn anh Nguyễn Sỹ L. Về con chung: Không đặt ra xem xét, giải quyết. Về án phí: Chị Nguyễn Thị S phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn, giấy triệu tập đến tham gia tố tụng tại phiên tòa. Chị S có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; Anh L1 đã được tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng Dân sự xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

[2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Anh L1 cư trú tại thôn A, xã A, huyện N, tỉnh Hải Dương. Chị S khởi kiện xin ly hôn anh L1. Do vậy, đây là vụ án tranh chấp về ly hôn. Tòa án nhân dân huyện Nam Sách thụ lý giải quyết vụ án là đúng với thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị S, anh L1 kết hôn với nhau ngày 28/7/2005 trên cơ sở tự nguyện, đảm bảo các điều kiện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện N. Do vậy, hôn nhân của chị S, anh L1 là hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống đến tháng 8/2024 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống cũng như trong sinh hoạt gia đình, không tin tưởng nhau, dẫn đến thường hay cãi vã, xô xát, xúc phạm nhau. Từ tháng 8/2024, chị S đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở, vợ chồng chính thức sống ly thân. Anh L1 mặc dù không muốn ly hôn, có đến bảo chị S về nhưng khi chị S không về lại có lời lẽ, tin nhắn xúc phạm chị S. Hội đồng xét xử thấy rằng việc chị S, anh L1 không sống chung, yêu thương, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện công việc gia đình; anh L1 lại có lời lẽ, hành động nghi ngờ, xúc phạm đến danh dự, nhân phẩm của chị S đã vi phạm nghĩa vụ vợ chồng quy định tại Điều 19, Điều 21 Luật Hôn nhân và gia đình làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung

không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử chấp nhận cho chị S ly hôn anh L1.

[4] Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Sỹ H, sinh ngày 02/5/1999 và Nguyễn Sỹ H1, sinh ngày 03/12/2005. Hiện tại, các con chung đều đã trưởng thành và khỏe mạnh bình thường, do vậy không đặt ra xem xét, giải quyết.

[5] Về quan hệ tài sản chung: Chị S, anh Linh không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra việc xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí: Chị S là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Luật phí và lệ phí; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228, Điều 238, khoản 4 Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 17 Luật phí và lệ phí; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị S ly hôn anh Nguyễn Sỹ L.
2. Về con chung: Có 02 con chung là Nguyễn Sỹ H, sinh ngày 02/5/1999 và Nguyễn Sỹ H1, sinh ngày 03/12/2005. Hiện tại, các con chung đều đã trưởng thành và khỏe mạnh bình thường, do vậy không đặt ra xem xét, giải quyết.
3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị S phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí sơ thẩm ly hôn, được đối trừ với 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí chị S đã nộp tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí ký hiệu: BLTU/24, số 0000289 ngày 25/11/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nam Sách. Chị S đã nộp đủ án phí.
4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát huyện Nam Sách;
- Chi cục THA dân sự huyện Nam Sách;
- UBND xã An Sơn;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Kim Giang

